

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc giao kế hoạch chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 về việc điều chỉnh bổ sung Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2019;

Căn cứ Công văn số 10028/BNN-VPĐP ngày 24/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh

Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020; số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; số 117/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về Kế hoạch đầu tư công năm 2019; số 147/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn cho các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các Chương trình MTQG và các dự án công sở xã tỉnh Thanh Hóa năm 2019;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3456/SKHĐT-KTNN ngày 16/6/2019 (kèm theo đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh tại các Công văn: số 241/VPĐP-KHTH ngày 03/6/2019 và số 258/VPĐP-KHTH ngày 12/6/2019), UBND tỉnh báo cáo và kính trình HĐND tỉnh xem xét, giao kế hoạch chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1), với những nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2019 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 783.500 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương 643.500 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh 140.000 triệu đồng.

2. Số vốn đã giao kế hoạch chi tiết theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh là 539.760 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương 404.760 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh 135.000 triệu đồng.

3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn vốn hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019

- Các dự án được giao vốn phải đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Các dự án được giao chi tiết kế hoạch vốn phải nằm trong danh mục đầu tư theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Mức hỗ trợ cho từng dự án không vượt quá tổng vốn ngân sách Trung ương dự kiến hỗ trợ tại Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; trong đó ưu tiên hỗ trợ mức cao hơn cho các dự án tái định cư để khắc phục thiệt hại do mưa lũ, sạt lở đất gây ra; đối với các dự án trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn, xã 30a và các xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020 thì mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/01 công trình; đối với các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1 thì mức hỗ trợ là 750 triệu đồng/01 công trình.

3. Số vốn giao chi tiết đợt này: 73.120 triệu đồng (vốn ngân sách Trung ương), trong đó:

- Hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là 18.000 triệu đồng (chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo).

- Hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã 30a là 30.000 triệu đồng (chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo).

- Hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1 là 15.000 triệu đồng (chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo).

- Hỗ trợ các dự án tái định cư và một số dự án khác là 10.120 triệu đồng (chi tiết có Phụ lục 4 kèm theo).

4. Nguồn vốn: vốn cân đối ngân sách tỉnh tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 04/04/2019 của HĐND tỉnh.

5. Số vốn còn lại chưa phân bổ: 170.620 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương 165.620 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 5.000 triệu đồng.

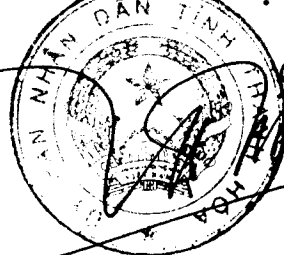
Sau khi HĐND tỉnh giao kế hoạch chi tiết cho các dự án, UBND tỉnh sẽ có quyết định giao kế hoạch chi tiết cho các dự án và chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Đối với số vốn còn lại chưa phân bổ (170.620 triệu đồng), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định và xây dựng phương án phân bổ chi tiết cho các dự án, báo cáo HĐND tỉnh thông qua để triển khai thực hiện.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ lục 1: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2019
(Các xã phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020)
 (Kèm theo Tờ trình số: 95 /TTr-UBND ngày 28 /6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		60.300	18.000	
I	Nga Sơn				
1	Sân vận động xã	UBND xã Nga Thủy	3.400	1.000	
II	Thiệu Hóa				
1	Trường tiểu học	UBND xã Thiệu Chính	3.100	1.000	
III	Hoảng Hóa				
1	Trường tiểu học	UBND xã Hoảng Phụ	5.000	1.000	
2	Nâng cấp trường THCS	UBND xã Hoảng Phụng	1.600	1.000	
IV	Tĩnh Gia				
1	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thanh Sơn	3.100	1.000	
V	Thọ Xuân				
1	Trường học Tiểu học	UBND xã Thọ Hải	3.100	1.000	
2	Trung tâm văn hóa	UBND xã Nam Giang	2.500	1.000	
VI	Nông Cống				
1	Sân vận động xã	UBND xã Công Bình	3.100	1.000	
2	Đường Giao thông	UBND xã Trường Minh	3.100	1.000	
VII	Như Thanh				
1	Đường giao thôn NT thôn Ao Mè - Đông Yên	UBND xã Yên Lạc	4.400	1.000	
2	Kênh mương nội đồng thôn Phụng Xuân - thôn Xuân Hòa	UBND xã Xuân Khang	3.900	1.000	
3	Trường mầm non xã Mậu	UBND xã Mậu Lâm	3.900	1.000	
VIII	Thạch Thành				
1	Trường mầm non	UBND xã Thạch Bình	3.100	1.000	
2	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành An	3.100	1.000	
IX	Cẩm Thủy				
1	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Vân	3.100	1.000	
X	Thường Xuân				
1	Trạm Y tế xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	2.200	1.000	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
2	Kênh nội đồng từ thôn Tân Lập, thôn Xuân Thịnh đi thôn Vụ Bản, tuyến kênh từ Cổng Nổ đá đi Phúc Cột, tuyến kênh từ nhà vùn kênh TX17 đi đồng Un, Tân Lập	UBND xã Xuân Dương	4.700	1.000	
XI	Lang Chánh				
1	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Giao An	3.900	1.000	
	Tổng số xã, công trình	18			

Phụ lục 2: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2019

(Các xã đặc biệt khó khăn, xã 30a)

(Kèm theo Tờ trình số: 95 /TTr-UBND ngày 28 /6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		123.600	30.000	
I	Thành phố Sầm Sơn				
1	Trạm y tế	UBND xã Quảng Hùng	2.200	1.000	
II	Tĩnh Gia				
1	Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Hải Lĩnh	4.500	1.000	
III	Triệu Sơn				
1	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	4.400	1.000	
IV	Thạch Thành				
1	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thạch Lâm	4.400	1.000	
2	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thành Tân	3.900	1.000	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Thành Mỹ	4.500	1.000	
4	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành Minh	2.000	1.000	
5	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thành Công	5.600	1.000	
V	Cẩm Thủy				
1	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Long	4.900	1.000	
VI	Quan Hóa				
1	Xây mới trường Tiểu học khu Hàm	UBND xã Thiên phủ	3.900	1.000	
2	Xây mới trường tiểu học Thanh Xuân	UBND xã Thanh Xuân	5.000	1.000	
3	Sửa chữa nâng cấp đường xã từ bản Sại vào bản Hang	UBND xã Phú Lệ	5.100	1.000	
VII	Ngọc Lặc				
1	Trạm y tế xã	UBND xã Mỹ Tân	2.200	1.000	
2	Đường giao thông từ Giới thượng đến Giới hạ	UBND xã Vân Am	3.500	1.000	
3	Nhà văn hóa xã	UBND xã Thạch Lập	4.400	1.000	
VIII	Quan Sơn				
1	Đường nước sinh hoạt bản Hạ	UBND xã Sơn Hà	4.900	1.000	
2	Đường nước sinh hoạt bản Phe	UBND xã Tam Thanh	5.900	1.000	
3	Đường giao thông bản Muống đi bản Khà	UBND xã Sơn Thủy	2.100	1.000	
IX	Như Xuân				
1	Nhà hội trường văn hóa	UBND xã Thanh Lâm	4.400	1.000	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
2	Trường Trung học cơ sở	UBND xã Xuân Hòa	4.400	1.000	
3	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thanh Sơn	4.800	1.000	
X	Lang Chánh				
1	Đường giao thông nông thôn Chiềng Ban đi Huyện đội	UBND xã Quang Hiến	3.600	1.000	
2	Đường giao thông nông thôn bản Vạn	UBND Xã Yên Thắng	5.100	1.000	
XI	Bá Thước				
1	Đường giao thôn thôn Đồng Tâm 3 đi thôn Chun, thôn Liên Thành	UBND xã Thiết Ống	4.500	1.000	
2	Đường GT thôn Ben+cầu Mỏ Làn	UBND xã Lương Nội	4.400	1.000	
3	Đường GT thôn Xê đi thôn Khò, thôn Cộ	UBND xã Điện Quang	3.900	1.000	
4	Đường giao thông thôn Pà Pan, thôn Eo Kén	UBND xã Thành Sơn	4.000	1.000	
5	Đường giao thông nông thôn thôn Tén Mới đi Eo Điều (từ km 00+600 đến km 03)	UBND xã Cỏ Lũng	4.000	1.000	
6	Trường mầm non	UBND xã Lâm Xa	4.800	1.000	
XII	Mường Lát				
1	Nhà Văn Hóa 02 bản: Chiên, Na Khà	UBND xã Tén Tẩn	2.300	1.000	
	Tổng số xã, công trình	30			

Phụ lục 3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2019
(Các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1)
(Kèm theo Tờ trình số: 95 /TTr-UBND ngày 28 /6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		43.800	15.000	
A	Các xã chưa đạt chuẩn NTM				
I	Thiệu Hóa				
1	Trường Trung học cơ sở	UBND xã Thiệu Toán	2.200	750	
II	Hà Trung				
1	Trung tâm Văn hóa thể thao	UBND xã Hà Giang	2.200	750	
III	Triệu Sơn				
1	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Hợp Thành	2.200	750	
2	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Hợp Tiến	2.200	750	
3	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Thọ Tiến	2.200	750	
4	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Thọ Dân	2.200	750	
5	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá	UBND xã Thọ Tân	2.200	750	
IV	Ngọc Lặc				
1	Đường giao thông thôn Minh Nguyên đi thôn Minh Lương	UBND xã Minh Sơn	2.200	750	
B	Các xã đã đạt chuẩn NTM, phần đầu xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu				
I	Quảng Xương				
1	Trường THCS Lưu Vệ	UBND xã Quảng Tân	2.200	750	
2	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Quảng Phong	2.200	750	
3	Sân vận động	UBND xã Quảng Văn	2.200	750	
II	Nga Sơn				
1	Kênh mương thủy lợi	UBND xã Nga Thành	2.200	750	
III	Đông Sơn				
1	Kênh Đồng Trạc thôn 2 xã Đông Khê	UBND xã Đông Khê	2.200	750	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
IV	Thọ Xuân				
1	Hội trường Trung tâm văn hóa - thể thao xã xã	UBND xã Xuân Giang	2.200	750	
V	Nông Cống				
1	Nâng cấp Sân vận động xã	UBND xã Tượng Văn	2.200	750	
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non	UBND xã Trường Sơn	2.000	750	
3	Cải tạo, nâng cấp sân vận động	UBND xã Minh Nghĩa	2.200	750	
VI	Hà Trung				
1	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Vân	2.200	750	
2	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Lĩnh	2.200	750	
VII	Thạch Thành				
1	Hệ thống mương thoát nước đường giao thông nông thôn	UBND xã Thạch Tân	2.200	750	
	Tổng số xã, công trình	20			

Phụ lục 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2019
(Các dự án tái định cư và một số dự án khác)

(Kèm theo Tờ trình số: 95 /TTr-UBND ngày 28 /6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		29.489	10.120	
1	Công trình Khu tái định cư bản Co Me, bản Chiềng, bản Pạo và bản Bó xã Trung Sơn (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	3.400	2.000	
2	Công trình Khu tái định cư bản Chiềng, xã Trung Thành (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	4.800	2.000	
3	Công trình Khu tái định cư bản Ken II, xã Nam Tiến (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	120	120	
4	Công trình Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	5.100	2.000	
5	Công trình Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiêu (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	7.500	2.000	
6	Trường Tiểu học xã Phú Nghiêm	UBND xã Phú Nghiêm	3.069	1.000	
7	Trường Mầm non (hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng)	UBND xã Hoàng Thanh	5.500	1.000	
	Tổng số xã, công trình:	7			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc thống nhất giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 43/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh bổ sung Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn cho các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các chương trình MTQG và các dự án công sở xã, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... /6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... /6/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1) với số vốn giao chi tiết đợt này: 73.120 triệu đồng (vốn ngân sách Trung ương).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, có quyết định giao kế hoạch chi tiết để các ngành, các cấp và các chủ đầu tư thực hiện. Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 327/BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc thống nhất giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1)

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3525/SKHĐT-KTNN ngày 17/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1). Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Tại Khoản 3.2, Điều 2 Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc giao chi tiết kế hoạch vốn cho các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án công sở xã, tỉnh Thanh Hóa năm 2019 quy định:

“3.2. Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia....; vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 243.740 triệu đồng): Sau khi các dự án hoàn thành hồ sơ thủ tục, Trung ương có hướng dẫn chi tiết về thực hiện các nhiệm vụ, đề án và có huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định”.

Căn cứ các quy định trên, thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thống nhất giao kế hoạch vốn chi tiết hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (đợt 1) là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

Tại Điều 1 đề nghị cơ quan soạn thảo bố cục lại theo hướng thống nhất giao vốn ở nội dung nào thì quy định về nội dung đó, không nhắc lại đối với số

vốn đã được giao chi tiết tại Nghị quyết số 147/NQ-HĐND và không cần thể hiện nội dung vốn còn lại chưa phân bổ bởi các nội dung đã được thể hiện trong Tờ trình và chỉ là cơ sở để xem xét việc phân bổ vốn.

Mặt khác, tại Điều 1 dự thảo ghi “*Phụ lục như Tờ trình số.../TTr-UBND ngày 16/2019 của UBND tỉnh*” là chưa chính xác. Bởi Tờ trình chỉ là một văn bản trong hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền, Tờ trình không ban hành kèm theo Nghị quyết. Do vậy, đề nghị sửa lại theo hướng là có phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết, như vậy mới chính xác.

- Về số liệu nguồn vốn: Về nguyên tắc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập chi tiết thì Sở Kế hoạch và Đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu này; do vậy, Sở Tư pháp không có ý kiến về nội dung này.

- Khoản 2 Điều 2 đề nghị bỏ, bởi như đã nói ở trên thì không cần thể hiện nội dung vốn còn lại chưa phân bổ trong dự thảo Nghị quyết này nên không phải quy định nội dung này và nội dung này cũng đã được thể hiện trong Nghị quyết số 147/NQ-HĐND.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

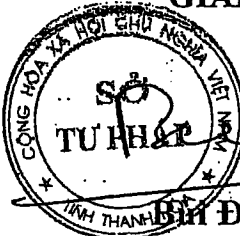
Tại phần căn cứ ban hành văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại theo hướng sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu “chấm phẩy” theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 3456/SKHĐT-KTNN

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 6 năm 2019

V/v phân bổ kế hoạch vốn Chương
trình MTQG xây dựng NTM năm

UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 19730

Ngày: 4.9.16.1.19

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 241/VPĐP-KHTH ngày 03/6/2019 và số 258/VPĐP-KHTH ngày 12/6/2019 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh (Văn phòng Điều phối) về việc thẩm định kế hoạch phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 (kèm Quyết định phê duyệt dự án đầu tư các công trình); sau khi nghiên cứu hồ sơ, căn cứ quy định hiện hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 là 783.500 triệu đồng, gồm: Vốn NSTW 643.500 triệu đồng; vốn NST 140.000 triệu đồng. Số vốn đã giao chi tiết tại Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh là: 539.760 triệu đồng, gồm: Vốn NSTW 404.760 triệu đồng; vốn NST 135.000 triệu đồng. Số vốn còn lại chưa phân bổ: 243.740 triệu đồng, gồm: Vốn NSTW là 238.740 triệu đồng (nguồn để bố trí cho các công trình khởi công mới năm 2019 là 152.740 triệu đồng; bố trí để thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo là 86.000 triệu đồng); vốn NST là 5.000 triệu đồng để hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM.

Tại các văn bản nêu trên, Văn phòng Điều phối đề xuất phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2019 với số vốn là 151.320 triệu đồng cho 161 công trình khởi công mới năm 2019 đã đủ hồ sơ theo quy định. Số vốn còn lại chưa phân bổ là 92.420 triệu đồng (trong đó: NSTW là 87.420 triệu đồng (86.000 triệu đồng từ nguồn dự phòng 10% để thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo và 1.420 triệu đồng bố trí cho 01 công trình khởi công mới năm 2019 nhưng chưa có hồ sơ được duyệt; NST là 5.000 triệu đồng chưa giao do chưa có huyện đạt chuẩn NTM).

Sau khi nghiên cứu đề nghị của Văn phòng Điều phối, xem xét hồ sơ phê duyệt Báo cáo KTKT của 161 công trình gửi kèm theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư xét thấy có một số nội dung không phù hợp với Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công mới năm 2019 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019; cụ thể:

- Về chủ đầu tư: Theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 thì chủ đầu tư các dự án là Ban quản lý Chương trình MTQG xây dựng NTM xã; tuy nhiên, theo các Quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT được duyệt thì chủ đầu tư các công trình khởi công mới năm 2019 là UBND xã, do các công trình không áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn

CỘNG HÒA

giản thay cho Báo cáo KTKT. Vì vậy, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh chủ đầu tư các dự án từ Ban quản lý Chương trình MTQG xây dựng NTM xã sang UBND xã.

- Về quy mô và tổng mức đầu tư các dự án: Trong 161 hồ sơ (Báo cáo KTKT) các dự án đầu tư do Văn phòng Điều phối cung cấp, có:

+ 75/161 công trình có quy mô, tổng mức đầu tư phê duyệt theo đúng hoặc tăng, giảm không nhiều (dưới 15%) so với chủ trương đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019;

+ 86/161 công trình phê duyệt Báo cáo KTKT không đúng thẩm quyền (xã phê duyệt Báo cáo KTKT), không đúng với chủ trương đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt như: một số công trình UBND huyện phê duyệt quy mô đầu tư chỉ bằng 15% - 50% quy mô đầu tư theo chủ trương đầu tư đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; một số công trình giảm quy mô đầu tư nhưng tổng mức đầu tư vẫn giữ nguyên dẫn đến làm tăng suất đầu tư của công trình (có công trình suất đầu tư tăng 14 lần so với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư); một số công trình tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư nhưng chưa rõ nguồn vốn tăng do ngân sách huyện hay xã chịu trách nhiệm bố trí; một số công trình phát sinh nội dung đầu tư, không có nội dung đầu tư hoặc phê duyệt dự án không có quy mô đầu tư; ... việc phê duyệt quyết định dự án đầu tư không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc hành vi bị cấm trong đầu tư công theo quy định tại Điều 16, Luật Đầu tư công nên các dự án này không đảm bảo để giao chi tiết kế hoạch vốn.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Từ thực tế nêu trên, để kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2019 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đối với các dự án khởi công mới năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

1. Xem xét, báo cáo UBND tỉnh thông qua phương án bố trí vốn năm 2019 cho các công trình có hồ sơ phê duyệt đảm bảo theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND tỉnh *(chi tiết có danh mục kèm theo)*.

2. Yêu cầu UBND các huyện nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt dự án không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định dẫn đến việc sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật. Đồng thời, rà soát lại toàn bộ quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án; trường hợp, cần thiết phải điều chỉnh quy mô, nội dung, tổng mức đầu tư UBND các huyện có Tờ trình gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp.

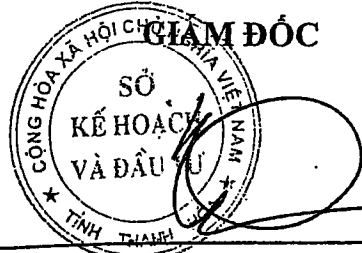
3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ đề xuất của UBND các huyện tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư danh mục các dự án khởi công mới năm 2019 phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo đúng quy định làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo quy định.

4 . Giao Văn phòng Điều phối khẩn trương xây dựng phương án phân bổ vốn 10% dự phòng (86.000 triệu đồng) theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh giao chi tiết vốn cho các đơn vị để triển khai thực hiện.

Kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (để p/h)
- Lưu: VT, KTNN.


Hoàng Văn Hùng

Phụ lục 01: DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2019 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM

(Đảm bảo điều kiện giao vốn)

(Kèm theo văn bản số: 845/SKHĐT-KINH ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng					283.594	
A	Các xã phân đầu đạt chuẩn NTM						
I	Nga Sơn						
1	Sân vận động xã	Xã Nga Thù	UBND xã Nga Thù	1510/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	6362 m ²	3.402	
II	Thiệu Hóa						
1	Trường tiểu học	Xã Thiệu Chính	UBND xã Thiệu Chính	1590/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2 tầng 8 phòng	5.183	
III	Hoảng Hóa						
1	Trường tiểu học	Xã Hoảng Phụ	UBND xã Hoảng Phụ	3152/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3 tầng 12 phòng	5.985	
2	Nâng cấp trường THCS	Xã Hoảng Phương	UBND xã Hoảng Phương	3153/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	cải tạo phòng học, xây mới nhà hiệu bộ	3.520	
IV	Tĩnh Gia						
1	Kênh mương nội đồng	Xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	3060/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,2 km	4.056	
V	Thọ Xuân						
1	Trường học Tiểu học	Xã Thọ Hải	UBND xã Thọ Hải	890/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	10 phòng	4.955	
2	Trung tâm văn hóa	Xã Nam Giang	UBND xã Nam Giang	891/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	685 m ²	4.679	
VI	Nông Cống						
1	Sân vận động xã	Xã Công Bình	UBND xã Công Bình	1119/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	1 ha	3.488	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
2	Đường Giao thông	Xã Trường Minh	UBND xã Trường Minh	1122/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,8 km	3.947	
VII	Như Thanh						
1	Đường giao thôn NT thôn Ao Mè - Đồng Yên	Xã Yên Lạc	UBND xã Yên Lạc	1016/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,7 km	4.477	
2	Kênh mương nội đồng thôn Phụng Xuân - thôn Xuân Hòa	Xã Xuân Khang	UBND xã Xuân Khang	1019/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,8 km	4.000	
3	Trường mầm non xã Mậu Lâm	Xã Mậu Lâm	UBND xã Mậu Lâm	1018/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2 tầng 6 phòng	3.982	
VIII	Thạch Thành						
1	Trường mầm non	Xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	1642/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 tầng 6 phòng	4.984	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Thành An	UBND xã Thành An	1645/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,8 km	3.987	
IX	Cầm Thủy						
1	Trường Mầm non	Xã Cầm Vân	UBND xã Cầm Vân	739/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	2 tầng 6 phòng	4.499	
X	Thường Xuân						
1	Trạm Y tế xã Luận Thành	Xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 tầng 12 phòng	3.894	
2	Kênh nội đồng từ thôn Tân Lập, thôn Xuân Thịnh đi thôn Vụ Bán, tuyến kênh từ Cống Nổ đá đi Phốc Cột, tuyến kênh từ nhà vản kênh TX17 đi đồng Un, Tân Lập	Xã Xuân Dương	UBND xã Xuân Dương	1027/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3,9 km	4.797	
XI	Lạng Chánh						
1	Đường giao thông nông thôn	Xã Giao An	UBND xã Giao An	808/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	1,8 km	4.000	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
B	Các xã đặc biệt khó khăn, xã 30a						
I	Tp. Sầm Sơn						
1	Trạm y tế	Xã Quảng Hùng	UBND xã Quảng Hùng	2523/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	2 tầng	3.183	
II	Tỉnh Gia						
1	Trung tâm văn hóa xã	Xã Hải Lĩnh	UBND xã Hải Lĩnh	3273/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	250 chỗ ngồi	5.188	
III	Triệu Sơn						
1	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành	Xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	2970/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3 km	4.941	
IV	Thạch Thành						
1	Kênh mương nội đồng	Xã Thạch Lâm	UBND xã Thạch Lâm	1648/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3,5 km	4.492	
2	Kênh mương nội đồng	Xã Thành Tân	UBND xã Thành Tân	1647/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3km	3.977	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Thành Mỹ	UBND xã Thành Mỹ	1644/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	250 chỗ ngồi	4.762	
4	Đường giao thông nông thôn	Xã Thành Minh	UBND xã Thành Minh	1646/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	1,8 km	2.489	
5	Đường Giao thông nông thôn	Xã Thành Công	UBND xã Thành Công	1643/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	4,8 km	5.946	
V	Cẩm Thủy						
1	Trường Mầm non	Xã Cẩm Long	UBND xã Cẩm Long	738/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	01 tầng 13 phòng	6.000	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
VI	Quan Hóa						
1	Xây mới trường Tiểu học khu Hàm	Xã Thiên phú	UBND xã Thiên phú	666/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	2 tầng (5 phòng học và 1 phòng họp giáo viên, 1 phòng nghỉ giáo viên)	4.000	
2	Xây mới trường tiểu học Thanh Xuân	Xã Thanh Xuân	UBND xã Thanh Xuân	667/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	2 tầng 6 phòng và công trình phụ trợ	5.982	
3	Sửa chữa nâng cấp đường xã từ bản Sại vào bản Hang	Xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	723/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	2,6 km	5.500	
VII	Ngọc Lặc						
1	Trạm y tế xã	Xã Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	1958/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2 tầng 13 phòng	2.410	
2	Đường giao thông từ Giới thượng đến Giới hạ	Xã Vân Am	UBND xã Vân Am	1939/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 km	3.500	
3	Nhà văn hóa xã	Xã Thạch Lập	Chủ đầu tư huyện ủy Ngọc Lặc	1942/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	200 chỗ ngồi	4.403	Đề nghị UBND huyện Ngọc Lặc điều chỉnh chủ đầu tư cho phù hợp với quy định
VIII	Quan Sơn						
1	Đường nước sinh hoạt bản Hạ	Xã Sơn Hà	UBND xã Sơn Hà	827/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	5,7 km	4.988	
2	Đường nước sinh hoạt bản Phe	Xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	826/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	5,8 km	5.990	
3	Đường giao thông bản Muống đi bản Khả	Xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	852/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	1,3 km	2.412	
IX	Như Xuân						
1	Nhà hội trường văn hóa	Xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	834/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	200 chỗ ngồi	4.400	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
2	Trường Trung học cơ sở	Xã Xuân Hòa	UBND xã Xuân Hòa	1059/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	2 tầng 8 phòng	5.435	Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 31/5/2019
3	Đường Giao thông nông thôn	Xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	836/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2,8 km	4.900	
X	Lang Chánh						
1	Đường giao thông nông thôn Chiềng Ban đi Huyện đội	Xã Quang Hiến	UBND xã Quang Hiến	839/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,7 km	4.000	
2	Đường giao thông nông thôn bản Vạn	Xã Yên Thắng	UBND Xã Yên Thắng	840/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,9 km	6.000	
XI	Bá Thước						
1	Đường giao thôn thôn Đồng Tâm 3 đi thôn Chun, thôn Liên Thành	Xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	1052/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,4 km	4.550	
2	Đường GT thôn Ben+cầu Mỏ Làn	Xã Lương Nội	UBND xã Lương Nội	1059/QĐ-UBND ngày 17/5/2019		4.498	
3	Đường GT thôn Xê đi thôn Khò, thôn Cộ	Xã Điện Quang	UBND xã Điện Quang	1051/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 km	4.000	
4	Đường giao thông thôn Pà Pan, thôn Eo Kén	Xã Thành Sơn	UBND xã Thành Sơn	1050/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,9 km	4.500	
5	Đường giao thông nông thôn thôn Tén Mới đi Eo Điều (từ km 00+600 đến km 03)	Xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	1056/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	4.500	
6	Trường mầm non	Xã Lâm xa	UBND xã Lâm Xa	1060/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 tầng 8 phòng	4.900	
XII	Mường Lát						
1	Nhà Văn Hóa 02 bản: Chiên, Na Khà	Xã Tén Tẩn	UBND xã Tén Tẩn	822, 823/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	80 chỗ ngồi	2.400	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
C	Các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1						
C1	Các xã chưa đạt chuẩn NTM						
I	Thiệu Hóa						
1	Trường Trung học cơ sở	Xã Thiệu Toán	UBND xã Thiệu Toán	1570/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	2 tầng, 6 phòng	4.625	
II	Hà Trung						
1	Trung tâm Văn hóa thể thao	Xã Hà Giang	UBND xã Hà Giang	1804/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	250 chỗ ngồi	4.475	
III	Triệu Sơn						
1	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	Xã Hợp Thành	UBND xã Hợp Thành	2961/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	250 chỗ ngồi	4.754	
2	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	Xã Hợp Tiến	UBND xã Hợp Tiến	2755/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	250 chỗ ngồi	4.376	
3	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	Xã Thọ Tiến	UBND xã Thọ Tiến	2754/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	250 chỗ ngồi	4.421	
4	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	Xã Thọ Dân	UBND xã Thọ Dân	2756/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	250 chỗ ngồi	4.257	
5	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá	Xã Thọ Tân	UBND xã Thọ Tân	2753/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	250 chỗ ngồi	4.406	
IV	Ngọc Lặc						
2	Đường giao thông thôn Minh Nguyên đi thôn Minh Lương	Xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	1940/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,7 km	2.201	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
C2	Các xã đã đạt chuẩn NTM, phần đầu xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu						
I	Quảng Xương						
1	Trường THCS Lưu Vệ	Xã Quảng Tân	UBND xã Quảng Tân	1137/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2 tầng, 6 phòng	5.429	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Phong	UBND xã Quảng Phong	1142/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,35 km	3.226	
3	Sân vận động	Xã Quảng Văn	UBND xã Quảng Văn	1140/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	9650 m ²	2.559	
II	Nga Sơn						
1	Kênh mương thủy lợi	Xã Nga Thành	UBND xã Nga Thành	1397/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	1,5 km	3.135	
III	Đông Sơn						
1	Kênh Đồng Trắc thôn 2 xã Đông Khê	Xã Đông Khê	UBND xã Đông Khê	2706/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	1,4 km	2.795	
IV	Thọ Xuân						
1	Hội trường Trung tâm văn hóa - thể thao xã xã	Xã Xuân Giang	UBND xã Xuân Giang	889/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	250 chỗ ngồi	3.490	
V	Nông Công						
1	Nâng cấp Sân vận động xã	Xã Tượng Văn	UBND xã Tượng Văn	1094/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	phá hệ thống tường rào cũ, xây mới hệ thống cổng tường rào và rãnh thoát nước	2.454	
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	1120/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2 tầng 8 phòng	4.168	
3	Cải tạo, nâng cấp sân vận động	Xã Minh Nghĩa	UBND xã Minh Nghĩa	1118/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	san nền, xây tường rào, bục sân khấu	2.486	

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
VI	Hà Trung						
1	Đường giao thông nội đồng	Xã Hà Vân	UBND xã Hà Vân	1363/QĐ-UBND ngày 17/4/2019	1,8 km	3.004	
2	Đường giao thông nội đồng	Xã Hà Lĩnh	UBND xã Hà Lĩnh	1352/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	1,9 km	2.745	
VII	Thạch Thành						
1	Hệ thống mương thoát nước đường giao thông nông thôn	Xã Thạch Tân	UBND xã Thạch Tân	1649/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,5 km	2.507	
D	Các dự án tái định cư và một số dự án khác						
1	Công trình Khu tái định cư bản Co Me, bản Chiêng, bản Pạo và bản Bó xã Trung Sơn (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	Xã Trung Sơn		38/QĐ-UBND ngày 10/01/2019			
2	Công trình Khu tái định cư bản Chiêng, xã Trung Thành (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	Xã Trung Thành		182/QĐ-UBND ngày 18/01/2019			
3	Công trình Khu tái định cư bản Ken II, xã Nam Tiến (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	Xã Nam Tiến		183/QĐ-UBND ngày 18/01/2019			
4	Công trình Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	Xã Tam Chung		607/QĐ-UBND ngày 22/4/2019			

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
5	Công trình Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiêu (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	Xã Quang Chiêu		563/QĐ-UBND ngày 10/4/2019			
6	Trường Tiểu học xã Phú Nghiêm	Xã Phú Nghiêm		2059/QĐ-UBND ngày 07/12/2018			
7	Trường Mầm non (hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng)	Xã Hoảng Thanh		5866/QĐ-UBND ngày 30/8/2018			Công trình đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý hỗ trợ từ nguồn vốn thuộc CT MTQG xây dựng NTM. Do đó, để có cơ sở giao vốn cho công trình đề nghị UBND huyện Hoảng Hóa có quyết định điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của công trình.
Tổng số công trình		75					

Phụ lục 02: DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỖI NĂM 2019 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM

(không đảm bảo điều kiện giao vốn)
(Kèm theo văn bản số: 3456/SKHĐT-KTN ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
	Tổng cộng				388.100	392.229			
A	Các xã phần đầu đạt chuẩn NTM								
I	Nga Sơn								
1	Kênh mương thủy lợi	1415/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2km	1,6 km	4.000	3.893	UBND xã Nga Bạch	Quy mô giảm 0,4 km	80
2	Đường giao thông Tân Hải đi Tân Phát	1398/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	1,2km	0,8 km	4.000	3.491	UBND xã Nga Phú	Quy mô giảm 0,4 km, TMĐT giảm 500 triệu đồng	67
II	Hậu Lộc								
1	Đường giao thông Khoan Hồng đi Đại Hữu	1399/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	2,2km	1,6 km	4.500	4.194	UBND xã Mỹ Lộc	Quy mô giảm 0,6 km, TMĐT giảm 300 triệu đồng	73
2	Kênh mương thôn Hậu-B15	1398/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	2km	0,451 km	2.200	2.254	UBND xã Hoa Lộc	Quy mô giảm 1,5 km	23
III	Đông Sơn								
1	Đường giao thông liên thôn	1409/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2km	0,9 km	4.000	3.979	UBND xã Đông Thanh	Quy mô dự án giảm 1,1 km	45
IV	Thiệu Hóa								
1	Đường Giao thông nông thôn	1589/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3km	1,2 km	2.600	2.414	UBND xã Thiệu Tâm	Quy mô dự án giảm 1,8 km	40
V	Triệu Sơn								
1	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đi thôn Thái Minh	2751/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	3,2km	1,65 km	4.000	4.178	UBND xã Thái Hòa	Quy mô giảm 1,5 km	52
VI	Quảng Xương								
1	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	1138/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,5km	0,8km	2.300	2.850	UBND xã Quảng Trung	Quy mô giảm 0,7 km	53

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
VII	Hoàng Hóa								
1	Trường mầm non	1507/QĐ-UBND ngày 05/3/2019	2 tầng 16 phòng	3 tầng 21 phòng (16 phòng học)	5.500	14.657	UBND xã Hoàng Hải	Quy mô vượt 1 tầng, 5 phòng; TMĐT tăng 9 tỷ đồng, xã có cam kết bố trí vốn đối ứng	131
2	Kiên cố hóa kênh tiêu Phúc Ngư và đường bờ kênh kết hợp quản lý vận hành kênh	3151/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	1,6 km	12.000	12.061	UBND xã Hoàng Trường	Quy mô giảm 0,4 km	80
VIII	Tĩnh Gia								
1	Nhà văn hóa đa năng	3062/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	500m ²	861 m ²	4.500	7.040	UBND xã Tân Dân	Quy mô tăng 361 m ² , TMĐT tăng 2.500 triệu đồng, xã có văn bản số 06/CK-UBND ngày 20/5/2019 cam kết vốn đối ứng từ nguồn bán đất 2019, 2020	172
2	Trường mầm non	3437/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	2 tầng 12 phòng	2 tầng 6 phòng	6.000	4.969	UBND xã Nghi Sơn	Quy mô giảm 6 phòng, TMĐT giảm 1000 triệu đồng từ nguồn đối ứng	50
3	Trung tâm văn hóa xã	3438/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	300m ²	709 m ²	4.500	5.257	UBND xã Hải Thanh	Quy mô tăng 400 m ² , TMĐT tăng 700 triệu đồng	236
IX	Thọ Xuân								
1	Đường Giao thông nông thôn	887/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	1,3 km	4.000	2.911	UBND xã Thọ Nguyên	Quy mô giảm 0,7 km, TMĐT giảm 1000 triệu đồng	65
X	Nông Cống								
1	Nâng cấp đường giao thông và tuyến mương thôn Thống Nhất	1121/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	1,5 km, nền đường 7m	không có quy mô chiều dài tuyến	4.000	3.995	UBND xã Minh Khôi	không có quy mô chiều dài tuyến	

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
2	Trường Tiểu học 1	1105/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	16 phòng	2 tầng 8 phòng	4.500	4.230	UBND xã Thăng Long	Quy mô giảm 8 phòng; TMĐT giảm 300 triệu	50
XI	Thường Xuân								
1	Kênh nội đồng xã Thọ Thanh	1026/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	5 km	4 km	6.000	5.992	UBND xã Thọ Thanh	Quy mô giảm 1 km	80
B	Các xã đặc biệt khó khăn, xã 30a								
I.	Hải Lộc								
1	Đường giao thông nông thôn	1479/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	3km	0,4 km	5.000	2.423	UBND xã Hải Lộc	Quy mô giảm 2,6 km, TMĐT giảm 2.600 triệu đồng	13
II	Tĩnh Gia								
1	Kênh mương nội đồng	3477/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	2km	1 km	3.500	3.219	UBND xã Hải Ninh	Quy mô giảm 1 km	50
2	Xây mới Trung tâm văn hóa xã	3661/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	250 chỗ ngồi	300 chỗ ngồi	5.000	5.745	UBND xã Tân Trường	Quy mô tăng 50 chỗ ngồi, TMĐT tăng 745 triệu	120
III	Triệu Sơn								
2	Đường giao thông nông thôn	2750/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	4,5km	2 km	5.500	5.643	UBND xã Bình Sơn	Quy mô giảm 2,5 km	44
3	Đường giao thông nông thôn	2752/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	3,5km	2,2 km	4.500	4.493	UBND xã Thọ Bình	Quy mô giảm 1,3 km	63
IV	Như Thanh								
1	Đường giao thông nông thôn bản Chanh - bản 6	1014/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3km	2,1 km	4.500	4.491	UBND xã Xuân Thọ	Quy mô giảm 0,9 km	70

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
2	Đường giao thông nông thôn thôn Tiên Tiến – Vườn Dâu	1017/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3km	2,5 km	4.500	4.481	UBND xã Thanh Tân	Quy mô giảm 0,5 km	83
3	Kênh mương nội đồng thôn 5- thôn 8	1020/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3km	2 km	4.000	4.000	UBND xã Xuân Phúc	Quy mô giảm 1 km	67
4	Đường giao thông nông thôn thôn Khe Tre - Đông Phong	1015/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2km	1,4 km	3.000	2.839	UBND xã Phương Nghi	Quy mô giảm 0,6 km	70
V	Cầm Thủy								
1	Đường giao thông nông thôn	737/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	4,5km	2,7 km	6.000	5.306	UBND xã Cầm Liên	Quy mô giảm 1,8 km; TMĐT giảm 700 triệu	68
2	Đường giao thông nông thôn	736/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	4km	3 km	5.000	4.893	UBND xã Cầm Phú	Quy mô giảm 1 km	75
VI	Thường Xuân								
1	Kênh nội đồng Na Luốc, Na Nơ, Lò Cao thôn Vịn; kênh mương Na Chục, Na Luốc, Na Mơ thôn Đục; kênh Na Bán, Na Nơ, Na Phong thôn Phổng	1028/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	4,5km	2,5 km	7.000	6.995	UBND xã Bát Mọt	Quy mô giảm 2 km	56
2	Đường Giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, thôn Mỹ đi thôn Khong	1029/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	5,5km	2,5 km	8.000	7.990	UBND xã Yên Nhân	Quy mô giảm 3 km	45
3	Kênh nội đồng thôn Đương Bai, kênh mương thôn Bọng Nàng, kênh mương thôn Mù	1030/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	4,5km	2,5 km	7.000	7.004	UBND xã Xuân Lẹ	Quy mô giảm 2 km	56

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
4	Đường giao thông từ thôn Ná Cộng đi thôn Quận	1031/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	5,0km	3,4 km	7.500	7.497	UBND xã Vạn Xuân	Quy mô giảm 1,6 km	68
5	Đường giao thông thôn Quế, từ thôn Lũy đi Pà Cầu	1032/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,2km	0,4 km	3.100	3.120	UBND xã Xuân Lộc	Quy mô giảm 1,8 km	18
6	Đường giao thông đi thôn Minh Quang đi thôn Minh Ngọc, từ làng Cáy đi thôn Trung Thành	1033/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	4,9km	6 tuyến đường	7.300	7.299	UBND xã Lương Sơn	Không có chiều dài tuyến	
VII	Quan Hóa								
1	Xây dựng đường Cháo đi bản Ho	670/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	9km	4 km	10.000	8.890	UBND xã Hiền Kiệt	Quy mô giảm 5 km, TMĐT giảm 1.100 triệu đồng	44
2	Đường giao thông liên thôn nối bản Cua tới bản Cùm	602/QĐ-UBND ngày 03/5/2019	3,5km	1,9 km	5.600	5.589	UBND xã Nam Tiến	Quy mô giảm 1,6 km	54
3	Xây mới Trung tâm văn hóa xã	671/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	250 chỗ ngồi	200 chỗ ngồi	4.500	4.471	UBND xã Nam Xuân	Quy mô giảm 50 chỗ ngồi	80
4	Hệ thống nước sinh hoạt bản Mỏ	668/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	3,8km	2,8 km	4.500	2.845	UBND xã Phú Xuân	Đường ống giảm 1 km, TMĐT giảm 1,6 tỷ đồng	74
5	Nâng cấp đường giao thông từ bản Sơn Thành đi bản Bai	672/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	3km	1,8 km	5.000	4.945	UBND xã Thành Sơn	Quy mô giảm 1,2 km	60
6	Kênh mương bản Pheo	669/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	4,5km	tôn cao đập và 1,3 km kênh	6.000	6.000	UBND xã Hiền Chung	Theo chủ trương đầu tư được duyệt, công trình đầu tư 4,5 km kênh mương, không đầu tư đập	

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
VIII	Quan Sơn								
1	Kênh mương bản Hẹ	853/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	3,7km	2,9 km	6.000	5.856	UBND xã Sơn Lư	Quy mô giảm 0,8-km	78
2	Đường giao thông từ bản Lang đi bản Xanh	825/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	1,8km	0,7 km	4.000	3.902	UBND xã Trung Hạ	Quy mô giảm 1,1 km	39
3	Sân vận động xã	851/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	5000m2	10756 m2	4.500	4.411	UBND xã Mường Mìn	Quy mô tăng 5756 m2	215
IX	Như Xuân								
1	Đường giao thông Nông thôn	835/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	3km	2,3km	5.500	5.170	UBND xã Thanh Quân	Quy mô giảm 0,7 km, TMĐT giảm 300 triệu	77
2	Đường giao thông nông thôn	833/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	3km	2,5 km	5.500	5.300	UBND xã Thanh Hoà	Quy mô giảm 0,5 km, TMĐT giảm 200 triệu	83
3	Đường giao thông nông thôn	837/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	3km	2,3 km	5.500	5.480	UBND xã Cát Tân	Quy mô giảm 0,7 km	77
4	Đường giao thông nông thôn	838/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	3km	3,7 km	5.500	5.369	UBND xã Thanh Xuân	Quy mô tăng 0,7 km	123
X	Lang Chánh								
1	Đường giao thông nông thôn Khụ 1 đi thôn Pọng	810/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	2,5km	1,3 km	5.000	5.000	UBND xã Giao Thiện	Quy mô giảm 1,2 km	52
2	Đường giao thông nông thôn bản Pọng	809/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	2,2km	1,5 km	4.000	4.000	UBND xã Lâm Phú	Quy mô giảm 0,7 km	68
3	Đường giao thông bản Vln	838/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3km	0,8 km	4.500	4.500	UBND xã Trí Nang	Quy mô giảm 2,2 km	27

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
XI	Bá Thước								
1	Đường GT thôn Mãng đi thôn Dân Long	1055/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,5km	3,2 km	4.500	4.500	UBND xã Lương Ngoại	Quy mô tăng 0,7 km	128
2	Đường GT thôn Lau đi thôn Chiềng Mùm, Xay Luồi	1049/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,1km	1,6 km	3.000	3.000	UBND xã Điện Thượng	Quy mô giảm 0,5 km	76
3	Đường GT thôn La Hán đi thôn Chiềng Lau	1057/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	1,7km	không có chiều dài tuyến	3.500	3.500	UBND xã Ban Công	Không có quy mô đầu tư	
4	Đường GT thôn Nứa đi thôn Thành Công	1053/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	1,4 km	4.500	4.500	UBND xã Lũng Cao	Quy mô giảm 0,6 km	70
5	Đường giao thông thôn Xăm	1054/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3,5km	2,4 km	4.900	4.900	UBND xã Điện Hạ	Quy mô giảm 1,1 km	69
C	Các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1								
C1	Các xã chưa đạt chuẩn NTM								
I	Tỉnh Gia								
1	Tuyến đường giao thông liên xã	3448/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	3,5km	2,4 km	2.300	2.508	UBND xã Tùng Lâm	Quy mô giảm 1,1 km	69
2	Đường giao thông nông thôn	3447/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	7,5km	1,7 km	3.800	3.800	UBND xã Trúc Lâm	Quy mô giảm 5,8 km	23
II	Hà Trung								
1	Đường giao thông nội đồng	1395/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	3km	1,8 km	3.000	2.828	UBND xã Hà Phong	Quy mô giảm 1,2 km	60

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
III	Ngọc Lặc								
1	Đường giao thông làng Thau đi làng Phùng Sơn	1957/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2km	1,4 km	4.000	2.201	UBND xã Phùng Giáo	Quy mô giảm 0,6 km, TMĐT giảm 1.800 triệu đồng	70
C2	Các xã đã đạt chuẩn NTM, phân đầu xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu								
I	Quảng Xương								
1	Đường giao thông nông thôn	1143/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,5 km	0,9 km	4.500	3.465	UBND xã Quảng Thái	Quy mô giảm 1,6 km; TMĐT giảm 1.000 triệu đồng	36
2	Kênh mương nội đồng	1141/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,5km	0,3 km	3.500	3.041	UBND xã Quảng Bình	Quy mô giảm 2,2 km, TMĐT giảm 500 triệu đồng	12
3	Đường giao thông nông thôn	1139/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	1,3 km	5.000	5.169	UBND xã Quảng Yên	Quy mô giảm 0,7 km, xã có cam kết vốn đối ứng	65
II	Yên Định								
1	Mương tiêu thoát nước thôn Lựu Khê	20/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	1,5km		3.200	2.826	UBND xã Yên Trường	Xã phê duyệt Báo cáo KTKT, nội dung không đảm bảo (thiếu trang); nội dung làm đường không có trong chủ trương đầu tư	
2	Đường giao thông nông thôn	46/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	0,4 km	3.000	2.960	UBND xã Định Lòng	Xã phê duyệt BCKTKT là không đúng thẩm quyền	
3	Đường giao thông nông thôn	26/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	2,2 km	3.000	2.728	UBND xã Định Liên	Xã phê duyệt BCKTKT là không đúng thẩm quyền	
4	Đường giao thông nông thôn	26/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	2,4 km	3.000	2.713	UBND xã Yên Phong	Xã phê duyệt BCKTKT là không đúng thẩm quyền	

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)	
5	Đường giao thông nông thôn	28/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	2,8km	1,2 km	5.500	6.252	UBND xã Định Tân	Xã phê duyệt BCKTKT là không đúng thẩm quyền		
III TP Thanh Hóa										
1	Đường giao thông xã Quảng Tâm	4623/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	1,9km	1,3 km	3.400	3.228	UBND xã Quảng Tâm	Quy mô giảm 0,6 km,	68	
2	Đường GT nông thôn từ thôn 9 đi thôn 10	4475/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	1km	0,6 km	2.200	2.074	UBND xã Thiệu Dương	Quy mô giảm 0,4 km	60	
3	Kênh mương xã Quảng Thịnh	4622/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	2,5km	1,4 km	3.500	2.972	UBND xã Quảng Thịnh	Quy mô giảm 1,1 km	56	
IV Nga Sơn										
1	Trung tâm văn hóa xã	1414/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	300m2	200 m2	4.000	4.157	UBND xã Nga Thạch	Quy mô giảm 100 m2	67	
V Hậu Lộc										
1	Nhà văn hóa xã	978/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	250 chỗ ngồi	2 tầng gồm: nhà hội trường có quy mô 280 chỗ ngồi, 02 phòng chức năng, 05 phòng làm việc	4.000	7.014	UBND xã Phú Lộc	Quy mô tăng 30 chỗ ngồi, 02 phòng chức năng, 5 phòng làm việc; TMĐT tăng 3.000 triệu đồng; xã có văn bản cam kết bố trí vốn đối ứng		
2	Trường mầm non	973/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	12 phòng	2 tầng 10 phòng	6.000	9.933	UBND xã Minh Lộc	Quy mô giảm 2 phòng, TMĐT tăng 3.900 triệu đồng, xã có văn bản cam kết bố trí vốn đối ứng	83	

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
VI	Đông Sơn								
1	Hệ thống đường và rãnh thoát nước liên thôn Văn Châu	2708/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	700m	470 m	2.500	2.489	UBND xã Đông Văn	Quy mô giảm 230 m	67
VII	Thọ Xuân								
1	Đường giao thông nông thôn	888/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2km	1,5 km	4.000	3.161	UBND xã Xuân Thành	Quy mô giảm 0,5 km, TMĐT giảm 800 triệu đồng	75
2	Trung tâm văn hóa xã	581/QĐ-UBND ngày 04/4/2019	200 chỗ ngồi	250 chỗ ngồi, 05 phòng làm việc	4.000	3.957	UBND xã Xuân Hòa	quy mô tăng 50 chỗ ngồi, 05 phòng làm việc	
VIII	Hoàng Hóa								
1	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT	2996/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	3,7km	2,5 km	4.500	3.673	UBND xã Hoàng Xuân	quy mô giảm 1,2 km; TMĐT giảm 900 triệu đồng	68
2	Đường Giao thông nông thôn	3154/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,5km	1 km	5.500	5.483	UBND xã Hoàng Thắng	Quy mô giảm 1,5 km	40
IX	Thiệu Hóa								
1	Đường Giao thông nông thôn thôn Hợp Thắng	1586/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3,2km	0,9 km	3.000	2.299	UBND xã Thiệu Hợp	Quy mô giảm 2,3 km	28
2	Đường giao thông liên xã Thôn 3 đi đê Trung ương kết nối B9	1587/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	2,8km	0,5 km	2.500	2.340	UBND xã Thiệu Đò	Quy mô giảm 2,3 km	18
3	Kênh mương nội đồng	1558/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	2,4km	1,8 km	2.500	2.530	UBND xã Thiệu Trung	Quy mô giảm 0,6 km	75
4	Đường giao thông thôn Tra	1588/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3,5km	1,4 km	3.000	2.818	UBND xã Thiệu Phú	Quy mô giảm 2,1 km	40

Số TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quy mô		Tổng mức đầu tư		Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt	Theo chủ trương được duyệt	Theo BCKTKT được duyệt		Quy mô	Tỷ lệ (%) (quy mô được duyệt/chủ trương)
X	Nông Công								
1	Kênh mương nội đồng	1102/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	2,7km	0,9 km	4.200	4.179	UBND xã Tế Lợi	Quy mô giảm 1,8 km	33
XI	Vĩnh Lộc								
1	Đường giao thông nông thôn	899/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	1,5km	2 km	3.000	4.303	UBND xã Vĩnh Thành	Quy mô tăng 0,5 km, TMĐT tăng 1.300 triệu đồng, xã có văn bản số 19/CV-UBND ngày 30/5/2019 cam kết bố trí vốn đối ứng 800 triệu (vốn còn thiếu không có khả năng đối ứng 1.303 triệu đồng)	133
2	Đường giao thông nông thôn	900/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	2km	1,6 km	4.000	4.996	UBND xã Vĩnh Tiến	Quy mô giảm 0,4 km, TMĐT tăng 1.000 triệu đồng. Xã có cam kết bố trí vốn đối ứng	80
XII	Ngọc Lặc								
1	Công trình thoát nước 2 bên đường giao thông khu vực	1941/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	3,5km	0,8km	3.500	2.201	UBND xã Ngọc Liên	Quy mô giảm 2,7 km	23
	Tổng số công trình	86							

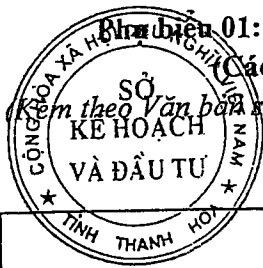
Phụ lục 03: BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ XÂY DỰNG NTM NĂM 2019

(Kèm theo Văn bản số: 3456 /SKHĐT-K/UBND ngày 15/4/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số công trình	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG XDNTM chưa phân bổ		243.740	238.740	5.000	Theo Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
I	Giao kế hoạch đợt này	75	73.120	73.120		
1	Hỗ trợ xây dựng công trình mới cho xã phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020	18	18.000	18.000		Phụ biểu 01
2	Hỗ trợ xây dựng công trình mới cho xã đặc biệt khó khăn, xã 30a	30	30.000	30.000		Phụ biểu 02
3	Hỗ trợ xây dựng công trình mới cho xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1	20	15.000	15.000		Phụ biểu 03
4	Hỗ trợ các dự án tái định cư và một số công trình khác	7	10.120	10.120		Phụ biểu 04
II	Số vốn còn lại giao sau		170.620	165.620	5.000	



Biểu 01: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2019

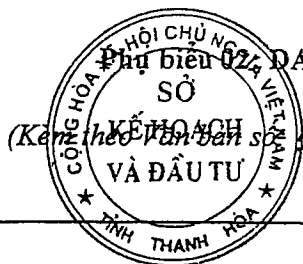
(Các xã phân đấu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020)

Số: 3456 /SKHĐT-KTNN ngày 13 /6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		60.300	18.000	
I	Nga Sơn				
1	Sân vận động xã	UBND xã Nga Thủy	3.400	1.000	
II	Thiệu Hóa				
1	Trường tiểu học	UBND xã Thiệu Chính	3.100	1.000	
III	Hoàng Hóa				
1	Trường tiểu học	UBND xã Hoàng Phụ	5.000	1.000	
2	Nâng cấp trường THCS	UBND xã Hoàng Phượng	1.600	1.000	
IV	Tĩnh Gia				
1	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thanh Sơn	3.100	1.000	
V	Thọ Xuân				
1	Trường học Tiểu học	UBND xã Thọ Hải	3.100	1.000	
2	Trung tâm văn hóa	UBND xã Nam Giang	2.500	1.000	
VI	Nông Cống				
1	Sân vận động xã	UBND xã Công Bình	3.100	1.000	
2	Đường Giao thông	UBND xã Trường Minh	3.100	1.000	
VII	Như Thanh				
1	Đường giao thôn NT thôn Ao Mè – Đông Yên	UBND xã Yên Lạc	4.400	1.000	
2	Kênh mương nội đồng thôn Phượng Xuân - thôn Xuân Hòa	UBND xã Xuân Khang	3.900	1.000	
3	Trường mầm non xã Mậu	UBND xã Mậu Lâm	3.900	1.000	
VIII	Thạch Thành				
1	Trường mầm non	UBND xã Thạch Bình	3.100	1.000	
2	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành An	3.100	1.000	
IX	Cẩm Thủy				
1	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Vân	3.100	1.000	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
X	Thường Xuân				
1	Trạm Y tế xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	2.200	1.000	
2	Kênh nội đồng từ thôn Tân Lập, thôn Xuân Thịnh đi thôn Vụ Bản, tuyến kênh từ Cổng Nỗ đá đi Phúc Cột, tuyến kênh từ nhà vàn kênh TX17 đi đồng Un, Tân Lập	UBND xã Xuân Dương	4.700	1.000	
XI	Lang Chánh				
1	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Giao An	3.900	1.000	
	Tổng số xã, công trình	18			



DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Các xã đặc biệt khó khăn, xã 30a)

(Kế hoạch và Đầu tư số 3456 /SKHĐT-KTNN ngày 13/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

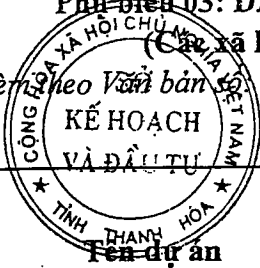
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		123.600	30.000	
I	Thành phố Sầm Sơn				
1	Trạm y tế	UBND xã Quảng Hùng	2.200	1.000	
II	Tỉnh Gia				
1	Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Hải Lĩnh	4.500	1.000	
III	Triệu Sơn				
1	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	4.400	1.000	
IV	Thạch Thành				
1	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thạch Lâm	4.400	1.000	
2	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thành Tân	3.900	1.000	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Thành Mỹ	4.500	1.000	
4	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành Minh	2.000	1.000	
5	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thành Công	5.600	1.000	
V	Cẩm Thủy				
1	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Long	4.900	1.000	
VI	Quan Hóa				
1	Xây mới trường Tiểu học khu Hàm	UBND xã Thiên phủ	3.900	1.000	
2	Xây mới trường tiểu học Thanh Xuân	UBND xã Thanh Xuân	5.000	1.000	
3	Sửa chữa nâng cấp đường xã từ bản Sại vào bản Hang	UBND xã Phú Lệ	5.100	1.000	
VII	Ngọc Lặc				
1	Trạm y tế xã	UBND xã Mỹ Tân	2.200	1.000	
2	Đường giao thông từ Giới thượng đến Giới hạ	UBND xã Vân Am	3.500	1.000	
3	Nhà văn hóa xã	UBND xã Thạch Lập	4.400	1.000	
VIII	Quan Sơn				
1	Đường nước sinh hoạt bản Hạ	UBND xã Sơn Hà	4.900	1.000	
2	Đường nước sinh hoạt bản Phe	UBND xã Tam Thanh	5.900	1.000	
3	Đường giao thông bản Muống đi bản Khả	UBND xã Sơn Thù	2.100	1.000	
IX	Như Xuân				
1	Nhà hội trường văn hóa	UBND xã Thanh Lâm	4.400	1.000	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
2	Trường Trung học cơ sở	UBND xã Xuân Hòa	4.400	1.000	
3	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thanh Sơn	4.800	1.000	
X	Lang Chánh				
1	Đường giao thông nông thôn Chiềng Ban đi Huyện đội	UBND xã Quang Hiến	3.600	1.000	
2	Đường giao thông nông thôn bản Vạn	UBND Xã Yên Thắng	5.100	1.000	
XI	Bá Thước				
1	Đường giao thôn thôn Đông Tâm 3 đi thôn Chun, thôn Liên Thành	UBND xã Thiết Ống	4.500	1.000	
2	Đường GT thôn Ben+cầu Mỏ Lân	UBND xã Lương Nội	4.400	1.000	
3	Đường GT thôn Xê đi thôn Khò, thôn Cộ	UBND xã Điện Quang	3.900	1.000	
4	Đường giao thông thôn Pà Pan, thôn Eo Kén	UBND xã Thành Sơn	4.000	1.000	
5	Đường giao thông nông thôn thôn Tén Mới đi Eo Điều (từ km 00+600 đến km 03)	UBND xã Cổ Lũng	4.000	1.000	
6	Trường mầm non	UBND xã Lâm Xa	4.800	1.000	
XII	Mường Lát				
1	Nhà Văn Hóa 02 bản: Chiên, Na Khà	UBND xã Tén Tẩn	2.300	1.000	
	Tổng số xã, công trình	30			

Phụ biểu 03: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Các xã không thuộc đối tượng ưu tiên, được hưởng hệ số 1)
 (Kèm theo Văn bản số 3456 /SKHĐT-KTNN ngày 13 /6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)



DVT : Triệu đồng

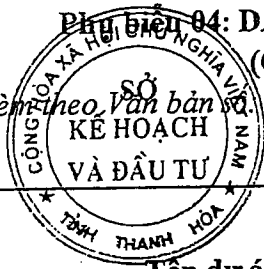
Số TT	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	43.800	15.000	
A	Các xã chưa đạt chuẩn NTM			
I	Thiệu Hóa			
1	Trường Trung học cơ sở UBND xã Thiệu Toán	2.200	750	
II	Hà Trung			
1	Trung tâm Văn hóa thể thao UBND xã Hà Giang	2.200	750	
III	Triệu Sơn			
1	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã UBND xã Hợp Thành	2.200	750	
2	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã UBND xã Hợp Tiến	2.200	750	
3	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã UBND xã Thọ Tiến	2.200	750	
4	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã UBND xã Thọ Dân	2.200	750	
5	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá UBND xã Thọ Tân	2.200	750	
IV	Ngọc Lặc			
1	Đường giao thông thôn Minh Nguyên đi thôn Minh Lương UBND xã Minh Sơn	2.200	750	
B	Các xã đã đạt chuẩn NTM, phần đầu xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu			
I	Quảng Xương			
1	Trường THCS Lưu Vệ UBND xã Quảng Tân	2.200	750	
2	Đường giao thông nông thôn UBND xã Quảng Phong	2.200	750	
3	Sân vận động UBND xã Quảng Văn	2.200	750	
II	Nga Sơn			
1	Kênh mương thủy lợi UBND xã Nga Thành	2.200	750	
III	Đông Sơn			
1	Kênh Đồng Trắc thôn 2 xã Đông Khê UBND xã Đông Khê	2.200	750	

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
IV	Thọ Xuân				
1	Hội trường Trung tâm văn hóa - thể thao xã xã	UBND xã Xuân Giang	2.200	750	
V	Nông Công				
1	Nâng cấp Sân vận động xã	UBND xã Tượng Văn	2.200	750	
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non	UBND xã Trường Sơn	2.000	750	
3	Cải tạo, nâng cấp sân vận động	UBND xã Minh Nghĩa	2.200	750	
VI	Hà Trung				
1	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Vân	2.200	750	
2	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Lĩnh	2.200	750	
VII	Thạch Thành				
1	Hệ thống mương thoát nước đường giao thông nông thôn	UBND xã Thạch Tân	2.200	750	
	Tổng số xã, công trình	20			

Phụ biểu 04: DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Các dự án tái định cư và một số dự án khác)

(Kèm theo Văn bản số 3456 /SKHĐT-KTNN ngày 13/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)



DVT : Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Định mức hỗ trợ	Kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng		29.489	10.120	
1	Công trình Khu tái định cư bản Co Me, bản Chiềng, bản Pạo và bản Bó xã Trung Sơn (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	3.400	2.000	
2	Công trình Khu tái định cư bản Chiềng, xã Trung Thành (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	4.800	2.000	
3	Công trình Khu tái định cư bản Ken II, xã Nam Tiến (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL Đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	120	120	
4	Công trình Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	5.100	2.000	
5	Công trình Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiêu (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	7.500	2.000	
6	Trường Tiểu học xã Phú Nghiêm	UBND xã Phú Nghiêm	3.069	1.000	
7	Trường Mầm non (hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng)	UBND xã Hoảng Thanh	5.500	1.000	
	Tổng số xã, công trình:	7			